TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Số 413/2024/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Huyện K, ngày 15 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 373/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện K, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1988; ĐKHKTT: Thôn B, xã C, huyện K, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn D, xã E, huyện R, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện K, thành phố Hà Nội.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Trần Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của chị Nguyễn Thị A và anh Trần Văn T, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị A và anh Trần Văn T cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là: Cháu Trần Phương Y, sinh ngày 03/11/2013 và cháu Trần Bảo U, sinh ngày 02/05/2017.

Giao cho chị Nguyễn Thị A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Trần Bảo U kể từ thời điểm vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Trần Bảo U đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về nuôi con theo quy định của pháp luật.

Giao cho anh Trần Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Trần Phương Y kể từ thời điểm vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Trần Phương Y đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về nuôi con theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị A và anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị A và anh Trần Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng: Chị Nguyễn Thị A và anh Trần Văn T tự thỏa thuận và không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về tài sản chung vợ chồng nên không xét.

2.3. Về nợ chung vợ chồng (vay nợ và cho vay nợ): Chị Nguyễn Thị A và anh Trần Văn T xác nhận vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Toà án giải quyết về nợ chung của vợ chồng nên không xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị A chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004433 ngày 27/09/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Hoàn trả chị Nguyễn Thị A 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã C, huyện K (theo GCNKH số 45, quyển số 01/2011, ngày 13/05/2011);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Như Trọng